

Thái Nguyên, ngày 9 tháng 10 năm 2018

ĐIỂM THI

PHẦN V.1: MỘT SỐ KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO
QUẢN LÝ CƠ SỞ

LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 1 LỚP A, TẠI TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU I

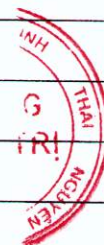
STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Hoàng Công An	1	84	7.0	Bảy	
2	Chu Quang Anh	3	116	7.0	Bảy	
3	Lê Bá Ánh	4	72	7.0	Bảy	
4	Ngân Bá Ân	2	109	7.5	Bảy rưỡi	
5	Bàn Hữu Ba	5	30	7.0	Bảy	
6	Nguyễn Đăng Bản	6	100	7.0	Bảy	
7	Phạm Văn Bình	7	110	7.0	Bảy	
8	Nông Văn Cảnh	8	71	7.0	Bảy	
9	Hoàng Văn Chang	9	41	6.5	Sáu rưỡi	
10	Hà Viêt Chiến	10	34	7.0	Bảy	
11	Nông Hoàng Chiến	11	74	7.5	Bảy rưỡi	
12	Dương Công Chung	12	38	7.0	Bảy	
13	Ma Văn Chung	13	05	7.0	Bảy	
14	Hoàng Chí Công	14	105	7.0	Bảy	
15	Hà Quốc Cường	15	42	7.5	Bảy rưỡi	
16	Ma Văn Cường	16	31	6.5	Sáu rưỡi	
17	Lý Anh Dũng	17	77	7.0	Bảy	
18	Đàm Tiến Dũng	18	23	7.0	Bảy	
19	Vũ Bá Bình Dương	19	80	6.5	Sáu rưỡi	
20	Hà Văn Duy	20	89	6.5	Sáu rưỡi	
21	Hoàng Văn Duy	21	25	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
22	Lương Văn Đạt	22	82	8.0	Tám	
23	Thân Văn Điệp	23	70	7.5	Bảy rưỡi	
24	Hoàng Tây Đô	24	117	7.0	Bảy	
25	Hoàng Văn Đô	25	06	7.0	Bảy	
26	Nông Xuân Đoàn	26	86	7.0	Bảy	
27	Nguyễn Văn Đức	27	83	7.0	Bảy	
28	Trần Văn Đức	28	04	7.0	Bảy	
29	Lý Văn Đức	29	44	7.0	Bảy	
30	Ma Văn Được	30	93	7.5	Bảy rưỡi	
31	Hà Văn Giang	31	63	6.5	Sáu rưỡi	
32	Lê Quang Giáp	32	91	7.0	Bảy	
33	Hoàng Thiện Hải	33	112	7.0	Bảy	
34	Đỗ Nguyên Hân	34	98	7.5	Bảy rưỡi	
35	Chu Văn Hiến	35	15	7.0	Bảy	
36	Vy Văn Hiện	36	57	6.5	Sáu rưỡi	
37	Hoàng Văn Hiệp	37	03	7.0	Bảy	
38	Sầm Trung Hiếu	38	37	6.5	Sáu rưỡi	
39	Long Văn Hiếu	39	40	7.5	Bảy rưỡi	
40	Hoàng Văn Hiệu	40	53	6.5	Sáu rưỡi	
41	Nông Văn Hoạch	41	92	7.0	Bảy	
42	Ngô Huy Hoàng	42	87	7.0	Bảy	
43	Hoàng Hữu Học	43	11	7.0	Bảy	
44	Vi Văn Hồng	44	60	6.5	Sáu rưỡi	
45	Lý Quang Hùng	45	49	7.0	Bảy	
46	Nguyễn Văn Hùng	46	103	6.5	Sáu rưỡi	
47	Bùi Văn Hùng	47	108	7.0	Bảy	
48	Chu Văn Hùng	48	14	7.5	Bảy rưỡi	
49	Hoàng Mạnh Hùng	49	79	7.5	Bảy rưỡi	
50	Lê Dương Hưng	50	81	7.0	Bảy	
51	Lương Đức Duy Hưng	51	131	6.5	Sáu rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
52	Hoàng Quốc Hương	52	36	6.5	Sáu rưỡi	
53	Lộc Văn Huyết	53	101	7.5	Bảy rưỡi	
54	Giáp Văn Khang	54	69	7.5	Bảy rưỡi	
55	Nông Văn Kiên	55	39	6.5	Sáu rưỡi	
56	Hứa Văn Lân	56	90	7.0	Bảy	
57	Hoàng Văn Linh	57	132	7.0	Bảy	
58	Triệu Ngọc Linh	58	128	7.0	Bảy	
59	Chu Phúc Long	59	122	7.5	Bảy rưỡi	
60	Nông Văn Lực	60	28	6.5	Sáu rưỡi	
61	Trần Văn Lượng	61	45	7.0	Bảy	
62	Phùng Công Minh	62	33	7.0	Bảy	
63	Nông Văn Mong	63	26	7.0	Bảy	
64	La Hoài Nam	64	129	7.0	Bảy	
65	Nguyễn Xuân Năng	65	104	7.0	Bảy	
66	Vi Văn Nga	66		-	-	Vắng thi
67	Hà Văn Nguyên	67	114	7.0	Bảy	
68	Hoàng Trung Nguyên	68	133	6.5	Sáu rưỡi	
69	Diệp Văn Nguyên	69	64	7.5	Bảy rưỡi	
70	Hoàng Văn Niên	70	102	7.0	Bảy	
71	Hoàng Thọ Ninh	71	54	7.0	Bảy	
72	Triệu Văn Phúc	72	08	7.0	Bảy	
73	Ngô Văn Phụng	73	106	7.0	Bảy	
74	Hoàng Văn Quân	74	76	7.0	Bảy	
75	Ma Khánh Quân	75	115	7.5	Bảy rưỡi	
76	Lê Hữu Quang	76	119	7.0	Bảy	
77	Đinh Như Quý	77	62	7.0	Bảy	
78	Hoàng Văn Quý	78	18	7.0	Bảy	
79	Bùi Văn Sang	79	10	7.0	Bảy	
80	Đặng Văn Sinh	80	94	7.0	Bảy	
81	Chu Văn Sơ	81	68	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
82	Triệu Quang Sơn	82	61	6.5	Sáu rưỡi	
83	Vi Văn Sơn	83	55	7.0	Bảy	
84	Hoàng Văn Sướng	84	99	6.5	Sáu rưỡi	
85	Phùng Thế Tài	85	46	7.0	Bảy	
86	Đinh Quang Thắng	86	123	7.0	Bảy	
87	Hoàng Văn Thanh	87	85	6.5	Sáu rưỡi	
88	Hoàng Chí Thanh	88	130	7.5	Bảy rưỡi	
89	Hoàng Tuấn Thành	89	75	7.0	Bảy	
90	Ma Văn Thê	90	118	7.0	Bảy	
91	Nông Quốc Thê	91	-	-	-	Vắng thi
92	Nguyễn Văn Thị	92	48	7.5	Bảy rưỡi	
93	Hoàng Xuân Thiêm	93	65	7.0	Bảy	
94	Lộc Huy Thiệp	94	58	7.0	Bảy	
95	Triệu Tiến Thọ	95	51	7.0	Bảy	
96	Dương Văn Thư	96	95	8.0	Tám	
97	Trần Văn Thụ	97	16	7.0	Bảy	
98	Mạch Văn Thương	98	47	7.5	Bảy rưỡi	
99	Trần Văn Thưởng	99	96	7.5	Bảy rưỡi	
100	Dương Văn Toàn	100	22	7.0	Bảy	
101	Hà Đức Trình	101	27	7.0	Bảy	
102	Đàm Văn Trọng	102	19	7.0	Bảy	
103	Nguyễn Duy Truân	103	78	7.0	Bảy	
104	Phạm Quốc Trung	104	113	7.0	Bảy	
105	Vi Văn Trường	105	124	7.5	Bảy rưỡi	
106	Lý A Tu	106	66	7.0	Bảy	
107	Vũ Đình Tú	107	121	7.0	Bảy	
108	Nịnh Văn Tuấn	108	32	7.0	Bảy	
109	Nguyễn Hà Tuấn	109	126	7.0	Bảy	
110	Hoàng Thanh Tuấn	110	43	7.0	Bảy	
111	Hứa Văn Tuấn	111	56	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
112	Nông Văn Tùng	112	97	7.0	Bảy	
113	Trần Văn Tùng	113	35	7.0	Bảy	
114	Triệu Minh Tùng	114	29	7.0	Bảy	
115	Lê Thanh Tùng	115	120	7.0	Bảy	
116	Nguyễn Lâm Tùng	116	127	7.5	Bảy rưỡi	
117	Ma Xuân Tươi	117	02	6.5	Sáu rưỡi	
118	Hà Đức Túy	118	09	7.0	Bảy	
119	La Văn Tuyên	119	13	7.0	Bảy	
120	Trương Văn Tuyên	120	12	6.5	Sáu rưỡi	
121	Đồng Văn Tuyên	121	107	7.5	Bảy rưỡi	
122	Phan Văn Tuyền	122	67	6.5	Sáu rưỡi	
123	Lâm Văn Tuyền	123	01	7.0	Bảy	
124	Phạm Thanh Tuyền	124	24	7.0	Bảy	
125	Bế Vương Tuyền	125	20	6.5	Sáu rưỡi	
126	Trịnh Công Út	126	21	7.0	Bảy	
127	Hứa Đức Văn	127	73	7.0	Bảy	
128	Triệu Văn Vĩ	128	52	6.5	Sáu rưỡi	
129	Lương Văn Viên	129	88	7.5	Bảy rưỡi	
130	Nông Văn Vinh	130	17	7.0	Bảy	
131	Ma Khắc Võ	131	125	7.5	Bảy rưỡi	
132	Phùng Tuấn Vũ	132	111	7.5	Bảy rưỡi	
133	Ma Đình Vương	133	59	6.5	Sáu rưỡi	
134	Hoàng Văn Vượng	134	50	7.5	Bảy rưỡi	
135	Bê Văn Xin	135	07	7.0	Bảy	



TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Phúc Ái

KHOA DÂN VẬN

Đàm Thị Hạnh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Minh Chuyên